

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/FUJIYAVIETNAM/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH FUJIYA VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng N (iii), Tầng 12, Tòa nhà Sun Wah, Số 115, Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 3821 5039

Fax:

Email: higashiawatoko.yuki@fujiya-vn.com

Mã số doanh nghiệp: 0317464811

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: PORI PORI BÁNH QUY GIÒN HƯƠNG SÔ CÔ LA CHUỐI

2. Thành phần: Bột mì, đường, dầu thực vật, bột ca cao (1,9%), hương liệu nhân tạo (hương sô cô la (0,38%), hương chuối (0,25%)), muối, chất tạo xốp (INS 500(ii), INS 450(i)), chất nhũ hóa (INS 471, INS 322(i)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: Đóng gói kín. Khối lượng tịnh: 20 g/gói. Hoặc khối lượng tịnh khác và thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm chứa trong bao bì chuyên dùng trong thực phẩm. Bao bì cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH FUJIYA VIỆT NAM – CHI NHÁNH LONG AN

Địa chỉ: Lô F-1-1, Góc đường D5 và N4, Khu công nghiệp Hựu Thạnh, Xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 131/GCNATTP-SCT. Ngày cấp: 16/10/2025.

Nơi cấp: Sở Công Thương Tỉnh Tây Ninh.



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm: 03.1/FUJIYAVIETNAM/2026 và 03.2/FUJIYAVIETNAM/2026.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



YUKI HIGASHI UWATOKO
Tổng Giám đốc



NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM *Quy cách sản phẩm – Khối lượng tịnh: 20 g*



PORI PORI
BÁNH QUY GIÒN HƯƠNG
SÔ CÔ LA CHUỐI

Thành phần: Bột mì, đường, dầu thực vật, bột cacao (10%), hương chuối tạo (hương sô cô la (0.38%), hương chuối (0.25%)), muối, chất tạo xốp (INS 500(ii), INS 420(i)), chất nhũ hóa (INS 471, INS 322(i)). Khối lượng tịnh: 20 g. NSX: Được in trên bao bì sản phẩm. HSD: 12 tháng kể từ NSX. Hướng dẫn sử dụng: Sau khi mở bao bì, dùng càng sớm càng tốt. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, nhiệt độ cao và độ ẩm cao. Thông tin cảnh báo không nên sử dụng: Sản phẩm khi hết hạn sử dụng, thay đổi màu sắc, mùi vị bất thường, đầu rách, sản phẩm của Công Ty TNHH FUJIYA VIỆT NAM. Địa chỉ: Phòng N (11), Tầng 12, Tòa nhà Sun Wah, Số 115, Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: 028 3821 5039. Sản xuất tại: Công Ty TNHH FUJIYA VIỆT NAM – CHI NHÁNH LONG AN. Địa chỉ: Lô F-1-1, Góc đường D5 và N4, Khu Công nghiệp Hưu Thành, Xã Bức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam. Số Tự Công Bố: 03/FUJIVN/2026.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng	
Trên 100 g	
Năng lượng	459 kcal
Chất đạm	4,9 g
Carbohydrat	74,4 g
Bường tổng số	36,2 g
Chất béo	15,7 g
Chất béo bão hòa	7,3 g
Natri	142 mg

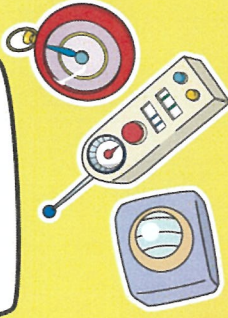


KHỐI LƯỢNG TỊNH: 20 g
 Minh Anh chỉ mang tính chất minh họa cho gói sản phẩm.



Doraemon
 © 1970-2026 Fujiya Pro
 Licensed by Animation (H) / TAGGER

Đâu sẽ là bảo bối giúp bé thực hiện được điều ước biến thành capybara?*



HSD: 12 tháng kể từ NSX
 NSX:

Website: www.fujiyavietnam.vn
 *Đáp án có ở mặt trước:
 Đèn động vật

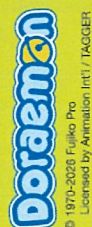


**PORI PORI
BÁNH QUY GIÒN HƯƠNG
SỐ CỎ LA CHUỐI**

[illegible]

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng trong 100 g	
Năng lượng	459 kcal
Chất đạm	4,9 g
Carbohydrat	74,4 g
Đường tổng số	36,2 g
Chất béo	15,7 g
Chất béo bão hòa	7,2 g
Natri	142 mg



Mùa hè nóng quá,
bảo bố nào có thể
giúp được bé đây?*



HSD: 12 tháng kể từ NSX:
NSX:

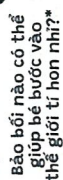


HƯƠNG
SÔ CÔ LA CHUỐI

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 20 g
 tính ảnh chỉ mang tính chất
 minh họa cho sản phẩm.

Website: www.fujiyavietnam.vn

*Đáp án có ở mặt trước:
Máy thay đổi phong cảnh cửa sổ

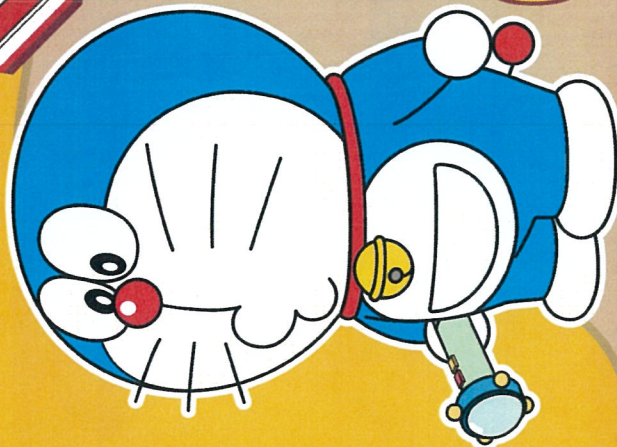
[illegible]

HSD: 12 tháng kể từ NSX:
NSX:



Website: www.fujiyavietnam.vn

*Đáp án có ở mặt trước:
Đền pin thu nhỏ



HƯƠNG
SÔ CÔ LA' I
CHUỐI

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 20 g
Sinh ánh chỉ mang tính chất
minh họa cho sản phẩm.



THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng	
Trên 100 g	459 kcal
Năng lượng	
Chất đạm	4,9 g
Carbohydrat	74,4 g
Đường tổng số	36,2 g
Chất béo	15,7 g
Chất béo bão hòa	7,3 g
Natri	142 mg

NHÂN CHÍNH SẢN PHẨM
Quy cách sản phẩm – Khối lượng tịnh: 20 g

PORI PORI
BÁNH QUY GIÒN HƯƠNG
SÔ CÔ LA CHUỐI

Thành phần: Bột mì, đường, dầu thực vật, bột ca cao (1,9%), hương (liều nhân tạo (hương sô cô la (0,38%), hương chuối (0,25%)), muối, chất tạo xốp (INS 471, INS 450(i)), chất nhũ hóa (INS 471, INS 322(i)). Khối lượng tịnh: 20 g. NSX: Được in trên bao bì sản phẩm. HSD: 12 tháng kể từ NSX. Hương dẫn sử dụng: Saus khi mở bao bì, dùng càng sớm càng tốt. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, nhiệt độ cao và độ ẩm cao. Không ăn nếu thấy bất thường. Sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. Thành phần sản phẩm có chứa lúa mì và dầu dừa. Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH FUJIYA VIỆT NAM. Địa chỉ: Phòng N (11), Tầng 12, Tòa nhà Sun Mah, Số 115, Đường Nguyễn Huệ, Phường Sầu Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: 028 3821 5039. Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH FUJIYA VIỆT NAM - CHI NHÁNH LONG AN. Địa chỉ: Lô F3-1, Góc đường D5 và N4, Khu công nghiệp Kàu Thành, Xã Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam. Số Tự Công Bố: 03/FUJIYAVIETNAM/2020.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng	
Năng lượng	459 kcal
Chất đạm	4,9 g
Carbohydrat	74,4 g
Đường tổng số	36,2 g
Chất béo	15,7 g
Chất béo bão hòa	7,3 g
Natri	142 mg



© 1970-2020 Fujiko Pro
Licensed by Animation lrt / TAGGER

Quét QR
để nhận phần
quà!!!



Vậy cưới của mẹ bị cũ
mất rồi, bảo bố nào có
thể giúp bé tạo niềm vui
bất ngờ cho mẹ nhỉ?*



HSD: 12 tháng kể từ NSX
NSX:



Website: www.fujiyavietnam.vn

*Đáp án có ở mặt trước:
Khẩn trương thời gian

Khối lượng tịnh: 20 g
mình ăn chỉ mong tận hưởng
mùi thơm của sản phẩm.

HƯƠNG
SÔ CÔ LA
CHUỐI





CÔNG TY TNHH FUJIYA VIỆT NAM	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Số: 03.1/FUJIYAVIETNAM/2026
	TÊN SẢN PHẨM PORI PORI BÁNH QUY GIÒN HƯƠNG SÔ CÔ LA CHUỐI	Ngày có hiệu lực: 10/07/2026

(Đính kèm hồ sơ tự công bố số: 03/FUJIYAVIETNAM/2026)

1. Thông tin sản phẩm

Thành phần:	Bột mì, đường, dầu thực vật, bột ca cao (1,9%), hương liệu nhân tạo (hương sô cô la (0,38%), hương chuối (0,25%)), muối, chất tạo xốp (INS 500(ii), INS 450(i)), chất nhũ hóa (INS 471, INS 322(i)).
Khối lượng tịnh:	20 g/gói. Hoặc khối lượng tịnh khác và thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.
Thời hạn sử dụng:	12 tháng kể từ ngày sản xuất.
Sản xuất tại:	CÔNG TY TNHH FUJIYA VIỆT NAM – CHI NHÁNH LONG AN Địa chỉ: Lô F-1-1, Góc đường D5 và N4, Khu công nghiệp Hựu Thạnh, Xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

2. Giới hạn các chỉ tiêu an toàn

2.1 Chỉ tiêu độc tố vi nấm (Tham chiếu QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4,0
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0
4	Deoxynivalenol	µg/kg	500,0
5	Zearalenone	µg/kg	50,0

2.2 Chỉ tiêu kim loại nặng (Tham chiếu QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,2
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2
3	Arsen (As)	mg/kg	0,5
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05



2.3 Chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10,0
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10,0
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10,0
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10,0
6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10,0
7	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^2
8	<i>Salmonella</i> (*)	/25g	Không phát hiện

(*) Tham chiếu QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



YUKI HIGASHIUWATOKO



CÔNG TY TNHH FUJIYA VIỆT NAM	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Số: 03.2/FUJIYAVIETNAM/2026
	TÊN SẢN PHẨM PORI PORI BÁNH QUY GIÒN HƯƠNG SÔ CÔ LA CHUỐI	Ngày có hiệu lực: 12/08/2026

(Đính kèm hồ sơ tự công bố số: 03/FUJIYAVIETNAM/2026)

1. Thông tin sản phẩm

Thành phần:	Bột mì, đường, dầu thực vật, bột ca cao (1,9%), hương liệu nhân tạo (hương sô cô la (0,38%), hương chuối (0,25%)), muối, chất tạo xốp (INS 500(ii), INS 450(i)), chất nhũ hóa (INS 471, INS 322(i)).
Khối lượng tịnh:	20 g/gói. Hoặc khối lượng tịnh khác và thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.
Thời hạn sử dụng:	12 tháng kể từ ngày sản xuất.
Sản xuất tại:	CÔNG TY TNHH FUJIYA VIỆT NAM – CHI NHÁNH LONG AN Địa chỉ: Lô F-1-1, Góc đường D5 và N4, Khu công nghiệp Hựu Thạnh, Xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

2. Giới hạn các chỉ tiêu chất lượng

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (Tham chiếu Thông tư 30/2026/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	368 – 550
2	Chất đạm	g/100g	3,92 – 5,88
3	Carbohydrat	g/100g	59,52 – 89,28
4	Đường tổng số	g/100g	28,96 – 43,44
5	Chất béo	g/100g	12,56 – 18,84
6	Chất béo bão hoà	g/100g	5,84 – 8,76
7	Natri	mg/100g	114 – 170



YUKI HIGASHIUWATOKO



Report N°: 0001594868

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: August 10, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 10/08/2026

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2607A-2467

Đơn hàng: 2607A-2467

CLIENT'S NAME

Tên khách hàng

: FUJIYA VIETNAM CO., LTD.

CÔNG TY TNHH FUJIYA VIỆT NAM

CLIENT'S ADDRESS

Địa chỉ

: UNIT N (III), 12TH FLOOR, SUN WAH TOWER, 115 NGUYEN HUE STREET,
SAI GON WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM

PHÒNG N (III), TẦNG 12, TÒA NHÀ SUN WAH, SỐ 115, ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ,
PHƯỜNG SÀI GÒN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by

Được lấy/ gửi bởi

: Client

: Khách hàng

Client's reference

Chú thích của khách hàng

: PORI PORI BÁNH QUY GIÒN HƯƠNG SÔ CÔ LA CHUỐI

Sampling date

: 13/07/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description

Mô tả mẫu

: Food (approx. gr. wt. 0.9kg) in plastic containers

: Thực phẩm (khoảng 0.9kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhựa

Sample ID

Mã số mẫu

: 2607A-2467.001

Date sample(s) received

Ngày nhận mẫu

: July 14, 2026

: 14/07/2026

Testing period

Thời gian thử nghiệm

: July 14, 2026 - August 06, 2026

: 14/07/2026 - 06/08/2026

Test(s) requested

Yêu cầu thử nghiệm

: As applicant's requirement

: Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s)

Kết quả kiểm nghiệm

: Please refer to the next page(s)

: Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0001594868

Page N° 2/5

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	<10	-	10	cfu/g	
2. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
3. Bacillus cereus <i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31	<10	-	10	cfu/g	
4. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	ISO 15213-2:2023 ^(a)	<10	-	10	cfu/g	
5. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
6. Salmonella spp. <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	-	cfu/25g	
7. Staphylococcus aureus <i>Staphylococcus aureus</i>	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	cfu/g	
8. Total Yeast and Mold <i>Tổng số nấm men và nấm mốc</i>	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	cfu/g	
9. Protein <i>Chất đạm</i>	ISO 1871:2009	4.91	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25 Crude protein
10. Carbohydrate (not including dietary fiber) <i>Carbohydrat (không bao gồm xơ)</i>	AOAC 2020.07	74.38	0.05	0.18	g/100g	not incl. polyols & Note (2)
11. Energy <i>Năng lượng</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(a)	459	-	-	kcal/100g	Vietnam market
12. Total fat <i>Chất béo</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	15.7099	0.0001	0.0003	g/100g	
13. Saturated fat <i>Chất béo bão hòa</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	7.3054	0.0001	0.0003	g/100g	
14. Total sugars <i>Đường tổng số</i>	AOAC 2018.16	36.2	_(a)	_(a)	g/100g	Note (3)
15. Fructose <i>Fructoza</i>	AOAC 2018.16	<0.1	0.03	0.1	g/100g	
16. Galactose <i>Galactoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001594868

Page N° 3/5

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
17. Glucose <i>Glucosa</i>	AOAC 2018.16	0.121	0.03	0.1	g/100g	
18. Lactose <i>Lactoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
19. Maltose <i>Maltoza</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
20. Sucrose <i>Sucroza</i>	AOAC 2018.16	36.0	0.03	0.1	g/100g	
21. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, and G2) <i>Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1 và G2)</i>	LFOD-TST-SOP-8456	<2	_(a)	_(a)	µg/kg	
22. Aflatoxin B1 <i>Aflatoxin B1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	<1	0.3	1	µg/kg	
23. Aflatoxin B2 <i>Aflatoxin B2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
24. Aflatoxin G1 <i>Aflatoxin G1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	<1	0.3	1	µg/kg	
25. Aflatoxin G2 <i>Aflatoxin G2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
26. Deoxynivalenol <i>Deoxynivalenol</i>	LFOD-TST-SOP-8456	<10	3	10	µg/kg	
27. Ochratoxin A <i>Ochratoxin A</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
28. Zearalenone <i>Zearalenone</i>	LFOD-TST-SOP-8456	4.6	1	3	µg/kg	
29. Arsenic (As) <i>Asen</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
30. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	0.021	0.005	0.01	mg/kg	
31. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	<0.01	0.005	0.01	mg/kg	
32. Mercury (Hg) <i>Thủy ngân</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
33. Sodium (Na) <i>Natri</i>	AOAC 2011.14	142	0.5	1	mg/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

**Note/Ghi chú:**

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).

Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).

- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.

Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.

Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.

- (2) Including digestible starch, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose and 40 % of lactulose. It does not include polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose and allulose.

(2) Bao gồm tinh bột tiêu hóa, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose và 40 % lactulose. Không bao gồm polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose và allulose.

- (3) Sum of Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, and Sucrose.

(3) Tổng của Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, và Sucrose.

- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).

(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100 mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đĩa đếm với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001594868

Page N° 5/5

pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD.

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH



Handwritten signature

Nguyễn Lê Hoàng Anh

Trưởng Bộ phận Thủ nghiệm Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 2608100386

Page N°: 1/ 1

Ho Chi Minh City, Date: August 10, 2026
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 10/08/2026

APPENDIX

PHỤ LỤC

JOB NO.: 2607A-2467

Đơn hàng: 2607A-2467

Sample ID: 2607A-2467.001: PORI PORI BÁNH QUY GIÒN HƯƠNG SÔ CÔ LA CHUỐI

NUTRITION FACT TABLE APPENDIX (VIETNAM MARKET)

THÔNG TIN DINH DƯỠNG ^(Δ)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	459	kcal	23%
Chất đạm	4,9	g	10%
Carbohydrat	74,4	g	23%
Đường tổng số	36,2	g	
Chất béo	15,7	g	28%
Chất béo bão hòa	7,3	g	37%
Natri	142	mg	7%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.			
(Δ) chỉ dùng để tham khảo. Khách hàng sẽ chịu trách nhiệm cho định dạng bảng thành phần dinh dưỡng cuối cùng công bố trên sản phẩm thực.			

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH



Nguyễn Lê Hoàng Anh
Trưởng Bộ phận Thủ nghiệm Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea – Vietnam Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 – 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at
<https://sgs onsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

BẢN DỊCH

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM

PORI PORI

PORI PORI

FVC

Hương sô cô la chuối



Khối lượng tịnh: 20 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Đã ký và đóng dấu

YUKI HIGASHI UWATOKO

Tổng Giám đốc

Ghư

Tôi, Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/08/2021; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nhật sang tiếng Việt**.

Ngày 21 tháng 08 năm 2026
Người dịch ký và ghi rõ họ tên


Cao Thị Hạnh

Ngày 21 tháng 08 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày hai mươi một, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Vũ Mạnh Hùng* là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Bà Cao Thị Hạnh là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 03 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 02 tờ, 02 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 122857 Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN



NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



YUKI HIGASHI UWATOKO
Tổng Giám Đốc

BẢN DỊCH

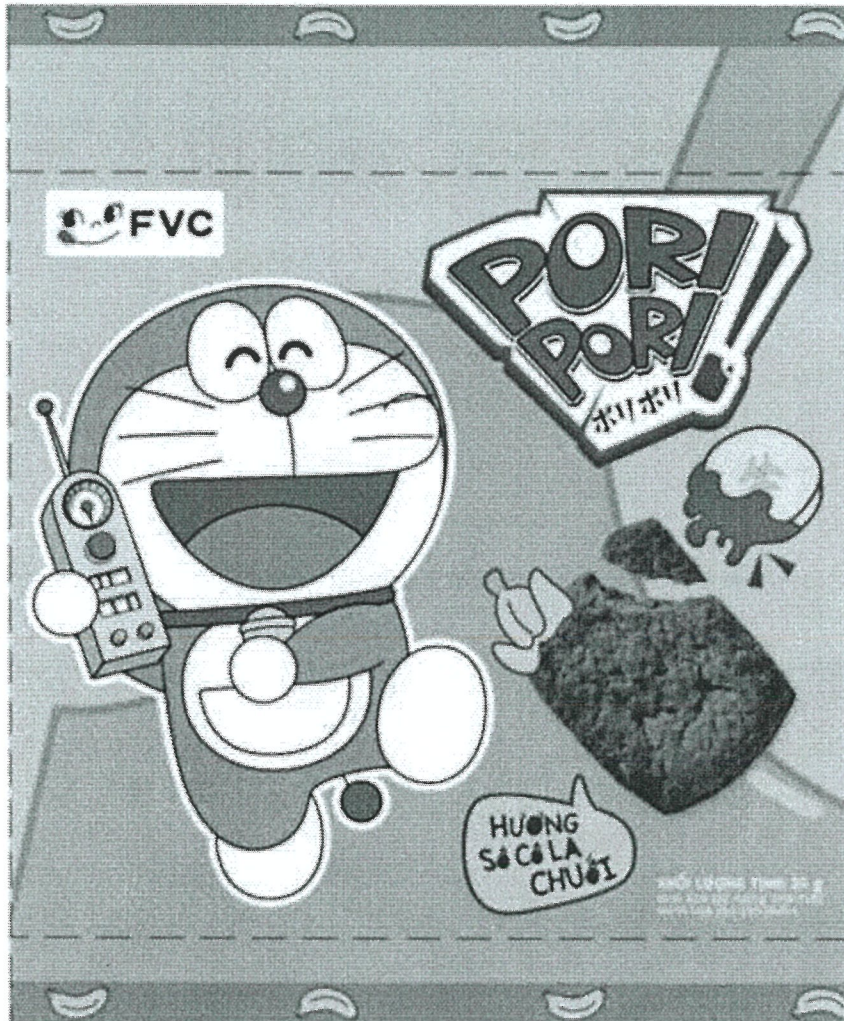
NHÂN CHÍNH SẢN PHẨM

PORI PORI

PORI PORI

FVC

Hương sô cô la chuối



Khối lượng tịnh: 20 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Đã ký và đóng dấu

YUKI HIGASHI UWATOKO

Tổng Giám đốc

Chit

Tôi, Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/08/2021; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nhật sang tiếng Việt**.

Ngày 21 tháng 08 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên


Cao Thị Hạnh

Ngày 21 tháng 08 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày hai mươi mốt, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Vũ Mạnh Hùng* là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Bà Cao Thị Hạnh là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 03 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 02 tờ, 02 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 122858 Quyền số: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN



NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

YUKI HIGASHIUWATOKO
Tổng Giám Đốc



BẢN DỊCH

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM

PORI PORI

PORI PORI

FVC

Hương sô cô la chuối



Khối lượng tịnh: 20 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Đã ký và đóng dấu

YUKI HIGASHI UWATOKO

Tổng Giám đốc



Chữ

Tôi, Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/08/2021; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nhật sang tiếng Việt**.

Ngày 21 tháng 08 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên


Cao Thị Hạnh

Ngày 21 tháng 08 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày hai mươi một, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, **Vũ Mạnh Hùng** là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Bà Cao Thị Hạnh là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 03 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 02 tờ, 02 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 122861 Quyền số: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu
CÔNG CHỨNG VIÊN



NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



ĐẠI DIỆN TQ CHÚC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM

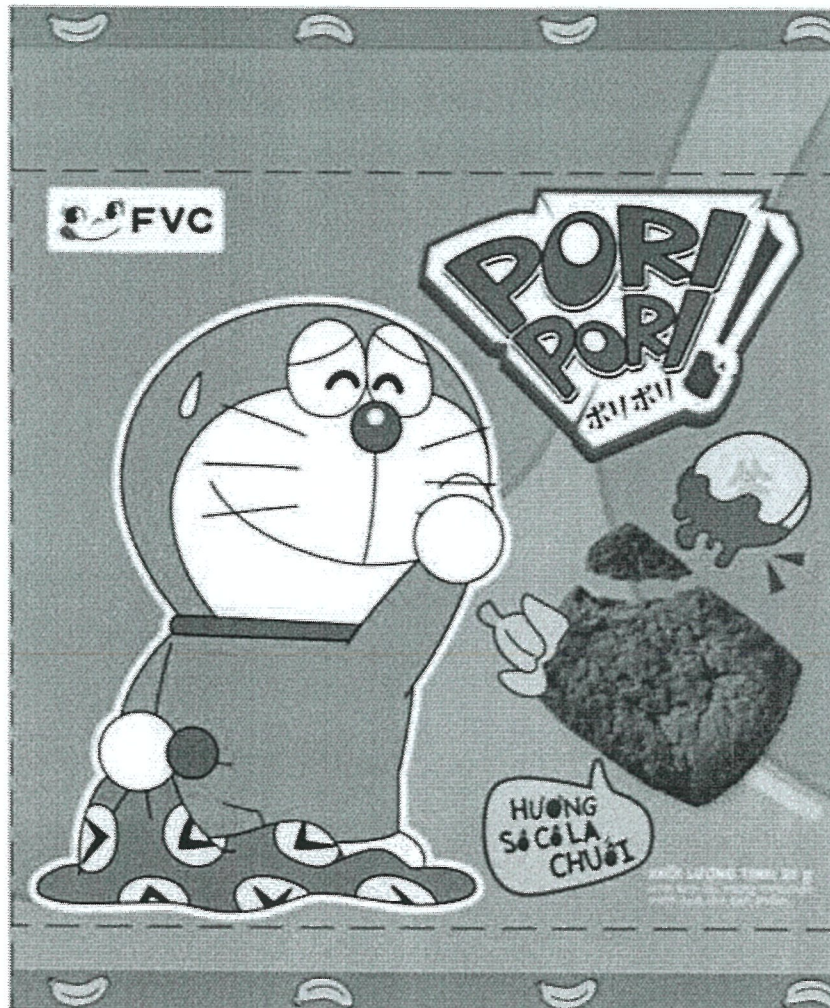
PORI PORI

PORI PORI

FVC

Hương sô cô la chuối

BẢN DỊCH



Khối lượng tịnh: 20 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Đã ký và đóng dấu

YUKI HIGASHI UWATOKO

Tổng Giám đốc

Ctux

Ngày 21 tháng 08 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên



NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)
FUJIYA
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

YUKI HIGASHI UWATOKO
Tổng Giám Đốc

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM

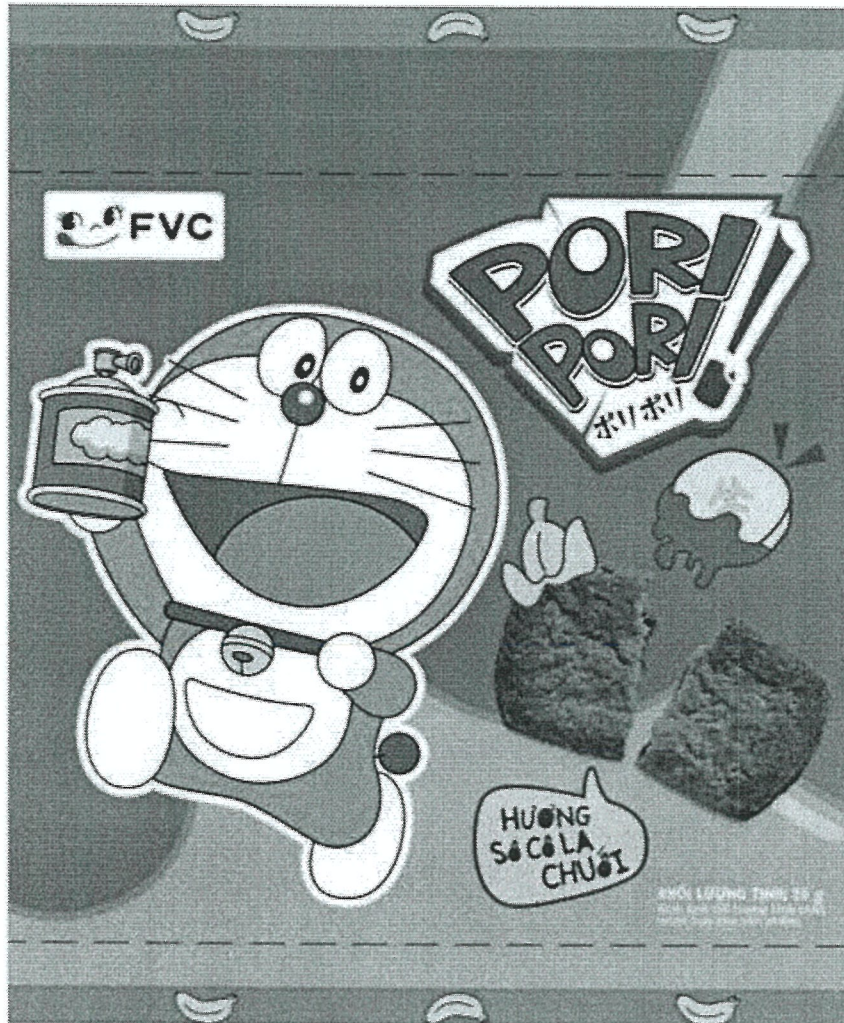
BẢN DỊCH

PORI PORI

PORI PORI

FVC

Hương sô cô la chuối



Khối lượng tịnh: 20 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Đã ký và đóng dấu

YUKI HIGASHIWATOKO

Tổng Giám đốc



Ctuy

Tôi, Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/08/2021; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nhật sang tiếng Việt**.

Ngày 21 tháng 08 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên


Cao Thị Hạnh

Ngày 21 tháng 08 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày hai mươi mốt, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Vũ Mạnh Hùng* là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Bà Cao Thị Hạnh là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 03 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 02 tờ, 02 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 122860 Quyền số: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN



**PHÒNG
CÔNG CHỨNG
NGUYỄN HUỆ
ĐỪA - T**

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



YUKI HIGASHI UWATOKO
Tổng Giám Đốc

